MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

MÔN: TIẾNG ANH - KHỐI 10

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	\multicolumn: NHẬN BIẾT Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	THÔNG HIỂU Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	VẬN DỤNG Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	VẬN DỤNG CAO Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	tổng số câu Ch TN	Ch TL	Tổng thời gian	TỈ LỆ %
1	**Unit 3:**	3A. Vocabulary	2	1.5	2	2.0	3	3.0	1	1.5									5	3	8.0	13.3
2	**On Screen**	3B. Grammar	2	1.5															2		1.5	2.5
3		3C. Listening					3	3.0	1	1.5									3	1	4.5	7.5
4		3D. Grammar					2	2.0					2	3.0					2	2	5.0	8.3
5		3E. Word Skills					1	1.0	1	1.5									1	1	2.5	4.2
6		3F. Reading	2	1.5			2	3.0	1	1.5	4	7.5			2	5.0			10	1	18.5	30.9
7		3G. Speaking									1	1.0								1	1.0	1.7
8	**Unit 4:**	4A. Vocabulary	2	1.5	2	2.0	3	3.0	1	1.5									5	3	8.0	13.3
9	**Our Planet**	4B. Grammar	2	1.5									2	3.0					2	2	4.5	7.5
10		4C. Listening					2	2.0	1	1.5									2	1	3.5	5.8
11		4D. Grammar	1	0.75	1	1.25													1	1	2.0	3.3
12		4E. Word Skills					1	1.0											1		1.0	1.7
	tổng		11	8.25	5	5.25	17	18.0	6	9.0	5	8.5	4	6.0	2	5.0			35	15	60.0	100
	tỉ lệ		\multicolumn 32%				46%				18%				4%							
	tổng điểm		\multicolumn **3.2**				**4.6**				**1.8**				**0.4**							

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Unit 3: On Screen**	3A. Vocabulary	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. - Students can identify the sound and stress of each word related to the topic Films and TV programmes. - Students know parts of speech for each word (noun, verb, adjective, adverb, …) - Students know how to these parts of speech in each sentences (word form questions) **Thông hiểu:** - Students understand vocabulary about Films and TV programmes. - Students find the antonym and synonym of the underlined words in each sentences. - Students choose the correct answer for the MPC question relating to the topic films and tv programmes. - Students fill in the blanks with the words provided in the box.	4	4	0	0
2		3B. Grammar	**Nhận biết:** - Students know the use and meaning of quantity words. - Students have to choose the correct quantity words in two MPC questions.	2	0	0	0
3		3C. Listening	**Thông hiểu:**	0	4	0	0

			- Students understand the vocabulary relating to the topic Advertising. - Students listen and understand the transcript 1.35 and 1.36. - Students know the content of three situations. - Students listen and answer the TRUE / FALSE questions				
4		3D. Grammar	**Thông hiểu:** - Students understand the meaning and the use of modal verbs: must / mustn't / needn't / don't have to / too .. to / enough … to. - Students understand the context and choose the correct answer for each MPC questions relating to modal verbs and too .. to / enough … to. **Vận dụng:** - Students can use must / mustn't / needn't / don't have to in each context - Students can rewrite a sentence using too .. to or enough … to.	0	2	2	0
5		3E. Word Skills	**Thông hiểu:** - Students understand the meaning and the use of adjectives and negative adjective prefixes. - Students find out the incorrect answer in Error Identification MPC question.	0	2	0	0
6		3F. Reading	**Nhận biết:** - Students know the vocabulary in the reading passage. - Students know the pronunciation and can identify the sound and stress of each new words. **Thông hiểu:** - Students understand the meaning of vocabulary and the context	2	3	4	2

			- Students read and answer the questions in the passage (main idea, topic, synonym, …) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. **Vận dụng:** - Students read and anwer the questions relating to the passage (detailed information) - Students understand the vocabulary in different context. - Students use the vocabulary to fill in the blanks for each sentence. - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. **Vận dụng cao:** - Students read the passage and answer the questions (infer information from the text) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank.				
7		3G. Speaking	**Vận dụng:** - Students can use words or phrases to show an agreement or disagreement.	0	0	1	0
8	**Unit 4: Our Planet**	4A. Vocabulary	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. - Students can identify the sound and stress of each word related to the topic Weather. - Students know parts of speech for each word (noun, verb, adjective, adverb, …) - Students know how to these parts of speech in each sentences (word form questions)	4	4	0	0

			Thông hiểu: - Students understand vocabulary about Weather. - Students find the antonym and synonym of the underlined words in each sentences. - Students choose the correct answer for the MPC question relating to the topic Weather - Students fill in the blanks with the words provided in the box.				
9		4B. Grammar	**Nhận biết:** - Students know the comparative forms. - Students choose the correct answer to the question relating to comparison **Vận dụng:** - Students can use the comparative forms to rewrite the sentences. - Students find out the incorrect answer in the error identification question.	2	0	2	0
10		4C. Listening	**Thông hiểu:** - Students understand the vocabulary relating to the topic Eyewitness. - Students listen and understand the transcript 2.04, 2.05, 2.06. - Students listen and answer the TRUE / FALSE questions	0	3	0	0
11		4D. Grammar	**Thông hiểu:** - Students understand the use of superlative adjectives. - Students understand the use of too / enough	2	0	0	0
12		4E. Word Skills	**Nhận biết:** - Students know how to use phrasal verbs correctly.	1	0	0	0
				16	23	9	2

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	đơn vị kiến thức	thời lượng giảng dạy	tỉ lệ %	số điểm tương đương	số điểm cân chỉnh	Tỉ lệ % điểm sau điều chỉnh	tổng số câu TN	tổng số câu TL
1	**Unit 3:**	3A. Vocabulary	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	5	3
2	**On Screen**	3B. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	0
3		3C. Listening	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	3	1
4		3D. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	2
5		3E. Word Skills	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	1
6		3F. Reading	*2 tiết*	14.3%	1.43	1.43	14.3	10	1
7		3G. Speaking	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	0
8	**Unit 4:**	4A. Vocabulary	*2 tiết*	14.3%	1.43	1.43	14.3	5	3
9	**Our Planet**	4B. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	2
10		4C. Listening	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	1
11		4D. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	1
12		4E. Word Skills	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	0
	tổng		*14 tiết*	100%		**10.0**	**100%**	**35**	**15**
	tỉ lệ			100%					
	tổng điểm			10.00					

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

MÔN: TIẾNG ANH - KHỐI 11

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NHẬN BIẾT Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	THÔNG HIỂU Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	VẬN DỤNG Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	VẬN DỤNG CAO Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	tổng số câu Ch TN	Ch TL	Tổng thời gian	TỈ LỆ %
1	Unit 3: Sustainable health	3A. Vocabulary	2	1.5			1	1.0	2	2.0									3	2	4.5	7.5
2		3B. Grammar									1	1.5							1		1.5	2.5
3		3C. Listening					5	5.0	2	3.0									5	2	8.0	13.3
4		3D. Grammar											2	3.0						2	3.0	5.0
5		3E. Word Skills					1	1.0	1	1.5									1	1	2.5	4.2
6		3F. Reading	2	1.5			3	4.5	2	3.0	5	7.5			2	4.0			12	2	20.5	34.2
7		3G. Speaking									2	2.0							2		2.0	3.3
8	Unit 4: Home	4A. Vocabulary	2	1.5			2	3.0	1	1.5									4	1	6.0	10.0
9		4B. Grammar									2	1.5							2		1.5	2.5
10		4C. Listening					3	3.0					2	3.0					3	2	6.0	10.0
11		4D. Grammar	1	0.75	2	1.5			1	1.25									1	3	3.5	5.8
12		4E. Word Skills					1	1.0											1		1.0	1.7
	tổng		7	5.25	2	1.5	16	18.5	9	12.25	10	12.5	4	6.0	2	4.0			35	15	60.0	100
	tỉ lệ		18%				50%				28%				4%							
	tổng điểm		*1.8*				*5.0*				*2.8*				*0.4*							

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Unit 3:** **Sustainable health**	3A. Vocabulary	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. - Students can identify the sound and stress of each word related to the topic Parts of the body. **Thông hiểu:** - Students understand vocabulary about Parts of the body . - Students choose the correct answer for the MPC question relating to the topic Parts of the body . - Students fill in the blanks with the words provided in the box.	2	3	0	0
2		3B. Grammar	**Vận dụng:** - Students use the structure of speculating and predicting in a context.	0	0	1	0
3		3C. Listening	**Thông hiểu:** - Students understand the vocabulary relating to the topic The body's limits. - Students understand the vocabulary in different contexts. - Students listen and understand the transcript 1.31, 1.32, 1.33, 1.34 - Students listen for numbers, dates and measurements. - Students understand how how to write large numbers, fractions,	0	7	0	0

			percentages, ratios, etc.				
			- Students understand the transcript about the limits of human survival.				
			- Students listen and answer the TRUE / FALSE questions.				
4		3D. Grammar	**Vận dụng:** - Students understand the use of future continuous and future perfect. - Students fill in the blank the correct verb form of future continuous or future perfect.	0	0	2	0
5		3E. Word Skills	**Thông hiểu:** - Students understand different words formed from the same base. - Students fill in the blank the correct word form of those words.	0	2	0	0
6		3F. Reading	**Nhận biết:** - Students know the vocabulary in the reading passage. - Students know the pronunciation and can identify the sound and stress of each new words. **Thông hiểu:** - Students understand the meaning of vocabulary and the context - Students read and answer the questions in the passage (main idea, topic, synonym, …) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. - Students understand the vocabulary and fill in the blank (with the words provided in the box) - Students choose the MPC questions relating to the vocabulary "Body clock" **Vận dụng:**	2	5	5	2

			- Students read and anwer the questions relating to the passage (detailed information) - Students understand the vocabulary in different context. - Students use the vocabulary to fill in the blanks for each sentence. - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. **Vận dụng cao:** - Students read the passage and answer the questions (infer information from the text) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank.				
7		3G. Speaking	**Vận dụng:** - Students can use a range of phrases to express opinions. - Students use phrases to express preference or raise objections.	0	0	2	0
8	**Unit 4: Home**	4A. Vocabulary	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. - Students can identify the sound and stress of each word related to the topic Houses and homes. **Thông hiểu:** - Students understand vocabulary about Houses and homes. - Students choose the correct answer for the MPC question relating to the topic Houses and homes - Students fill in the blanks with the words provided in the box.	2	3	0	0

9		4B. Grammar	**Vận dụng:** - **Students use comparative and superlative adjectives and adverbs in different contexts. - Students know how to use the double comparatives in a sentence.	0	0	2	0
10		4C. Listening	**Thông hiểu:** - Students understand the vocabulary relating to the topic Young and homeless. - Students listen and understand the transcript 2.07, 2.08. - Students listen and answer the TRUE / FALSE questions **Vận dụng:** - Students use the vocabulary in different contexts. - Students fill in the blank with the words provided in the box.	0	3	2	0
11		4D. Grammar	**Nhận biết:** - Students know the use of the second conditional. - Students know the use of the structure I wish … - Students the use of the structure If only … **Thông hiểu:** - Students understand the use of these structures to fill in the correct verb form for each sentence.	3	1	0	0
12		4E. Word Skills	**Thông hiểu:** - Students know how to use "do / make / take" correctly.	0	1	0	0
				9	25	14	2

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	đơn vị kiến thức	thời lượng giảng dạy	tỉ lệ %	số điểm tương đương	số điểm cân chỉnh	Tỉ lệ % điểm sau điều chỉnh	tổng số câu TN	tổng số câu TL
1	**Unit 3:**	3A. Vocabulary	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	3	2
2	**Sustainable**	3B. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	0
3	**health**	3C. Listening	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	5	2
4		3D. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	0	2
5		3E. Word Skills	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	1
6		3F. Reading	*2 tiết*	14.3%	1.43	1.43	14.3	12	2
7		3G. Speaking	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	0
8	**Unit 4: Home**	4A. Vocabulary	*2 tiết*	14.3%	1.43	1.43	14.3	4	1
9		4B. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	2	0
10		4C. Listening	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	3	2
11		4D. Grammar	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	3
12		4E. Word Skills	*1 tiết*	7.14%	0.714	0.714	7.14	1	0
	tổng		*14 tiết*	100%		**10.0**	**100%**	**35**	**15**
	tỉ lệ			100%					
	tổng điểm			10.00					

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ
MÔN: TIẾNG ANH - KHỐI 12

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																tổng số câu		Tổng thời gian	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO							
			Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	Ch TN	Ch TL		
1	Unit 4: School Education System	Reading	1	1.0			3	3.0	2	3.0	3	4.5							7	2	11.5	19.2
2		Speaking					1	1.0											1	0	1.0	1.7
3		Language Focus					1	1.25	2	2.0	2	3.0							3	2	6.25	10.4
4	Unit 5: Higher Education	Reading	2	2.0			4	4.0	2	2.0	2	3.0							8	2	11.0	18.3
5		Language Focus			2	2.0					2	3.0							2	2	5.0	8.3
6	Unit 6: Future Jobs	Reading	4	3.0	2	2.0	6	7.5			3	4.5			2	4.0			15	2	21.0	35
7		Speaking					1	1.25											1	0	1.25	2.1
8		Language Focus	1	0.5			2	2.5											3	0	3.0	5
	tổng		8	6.5	4	4.0	18	20.5	6	7.0	12	18.0			2	4.0	0		40	10	60.0	100
	tỉ lệ		24%				48%				24%				4%							
	tổng điểm		2.4				4.8				2.4				0.4							

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Unit 4: School Education System**	Reading	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. **Thông hiểu:** - Students understand vocabulary about the topic school education system. - Students choose the correct answer for the MPC question relating to the topic school education system . - Students fill in the blanks with the words provided in the box. - Students understand the synonym of the vocabulary in this unit. - Students understand the antonym of the vocabulary in this unit. **Vận dụng:** - Students read and anwer the questions relating to the passage (detailed information) - Students understand the vocabulary in different context. - Students read the passage and choose the correct answer for each blank.	1	5	3	0
		Speaking	**Thông hiểu:** - Students understand the words or phrases to express opinions about	0	1	0	0

			education system.				
		Language focus	**Thông hiểu:** - Students understand the form and use of passive voice - Students find the incorrect verb tense in error identification questions. - Students understand the verb tenses in active and passive. **Vận dụng:** - Students use passive voice in sentence transformation (in MPC questions). - Students fill in the blanks with the correct verb form in active or passive.	0	3	2	0
	Unit 5: **Higher Education**	Reading	**Nhận biết:** - Students know the vocabulary in the reading passage. - Students know the pronunciation and can identify the sound and stress of each new words. **Thông hiểu:** - Students understand the meaning of vocabulary and the context - Students read and answer the questions in the passage (main idea, topic, synonym, …) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. - Students read and anwer the questions relating to the passage (detailed information) - Students understand the vocabulary in different context. - Students use the vocabulary to fill in the blanks for each sentence. **Vận dụng:**	2	6	2	0

			- Students read the passage and choose the correct answer for each blank. - Students read the passage and answer the questions (infer information from the text)				
		Language focus	**Nhận biết:** - Students know the structures of conditional sentences (type 1, 2, 3) - Students know the conditionals in different contexts. **Vận dụng:** - Students use conditional in sentence transformation (MPC questions) - Students fill in the correct verb tenses of the conditional type 1, 2, 3	2	0	2	0
	Unit 6 : **Future Jobs**	Reading	**Nhận biết:** - Students know the how to pronounce each vocabulary correctly. - Students identify the sound of each new words. - Students know the stress of the vocabulary in the unit. - Students know the prepositions which goes after the words. - Students know the vocabulary in the reading passage. - Students know the articles in a context. **Thông hiểu:** - Students understand the meaning of vocabulary and the context - Students read and answer the questions in the passage (main idea, topic, synonym, …) - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. - Students understand the vocabulary and fill in the blank (with the words provided in the box)	6	6	3	2

			- Students choose the MPC questions relating to the vocabulary in this unit. - Students understand the vocabulary in different context. **Vận dụng:** - Students read and anwer the questions relating to the passage (detailed information) - Students use the vocabulary to fill in the blanks for each sentence. - Students read the passage and choose the correct answer for each blank. **Vận dụng cao:** - Students read the passage and answer the questions (infer information from the text) - Students use an idiom in a specific context.				
		Speaking	**Thông hiểu:** - Students understand and use phrases to express preference to their future jobs.	0	1	0	0
		Language focus	**Nhận biết:** - Students know how to use relative pronouns. **Thông hiểu:** - Students choose the correct relative pronoun in a context (MPC questions) - Students use relative clauses in sentence transformation	1	2	0	0
				12	24	12	2

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	đơn vị kiến thức	thời lượng giảng dạy	tỉ lệ %	số điểm tương đương	số điểm cân chỉnh	Tỉ lệ % điểm sau điều chỉnh	tổng số câu TN	tổng số câu TL
1	**Unit 4: School**	Reading	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	7	2
2	**Education System**	Speaking	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	1	0
3		Language Focus	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	3	2
4	**Unit 5: Higher Education**	Reading	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	8	2
5		Language Focus	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	2	2
6	**Unit 6: Future Jobs**	Reading	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	15	2
7		Speaking	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	1	0
8		Language Focus	*1 tiết*	12.5%	1.25	1.25	12.5	3	0
	tổng		*8 tiết*		100%	**10.0**	**100%**	**40**	**10**
	tỉ lệ				100%				
	tổng điểm				10.00				